| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ TÚ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-9-2021.
"V/v tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Sơn Thị Vành Đa.

2/ Ông Hứa Trọng Toàn.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn M, sinh năm 1982 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã VL, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: Số 192A PVT, Phường MH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thúy V, sinh năm 1988 (*có yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Ấp XL, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 26/4/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thúy V quen biết nhau từ trước dẫn đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn với nhau tại xã VL, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa vào

ngày 22/02/2016. Lúc đầu, anh chị sống chung vui vẻ, hạnh phúc, thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vả. Anh chị đã ly thân từ tháng 06/2019 đến nay. Quá trình chung sống anh, chị không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thúy V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản xác minh ngày 17/9/2021 chị Nguyễn Thúy V trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn M về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay anh M yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý và không yêu cầu gì khác. Ngoài ra, do chị bận nhiều công việc không thể tham gia xét xử nên yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn M được ly hôn với chị Nguyễn Thúy V. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng**:** Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn M và bị đơn chị Nguyễn Thúy V. Tuy nhiên, anh M và chị V đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh M và chị V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn M và chị Nguyễn Thúy V tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh M và chị V đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã VL, huyện VN, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016, ngày 22/02/2016, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đầm ấm hạnh phúc, tuy nhiên thời gian chung sống không bao lâu thì

anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Sau khi ly thân thì anh chị mỗi người sống một nơi. Anh M cho rằng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, vợ chồng thường xuyên cãi nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V. Chị Vân cũng đồng ý ly hôn với anh M. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của anh M và chị V đã không còn, mâu thuẫn giữa anh, chị không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân của anh, chị không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng thống nhất ly hôn với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho anh Nguyễn M được ly hôn với chị Nguyễn Thúy V để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn M được ly hôn với chị Nguyễn Thúy V.

2/ Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh My đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009023 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, anh M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã VL, VN, Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

**Trương Anh Tuấn**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Sơn Thị Vành Đa** **Hứa Trọng Toàn**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Anh Tuấn**

**Sơn Thanh Bình  Lý Thanh Phong  Trương Anh Tuấn**